

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và giá dịch vụ xử lý nước thải (nước rỉ rác) tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1661/TTr-STC ngày 02 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh) và giá dịch vụ xử lý nước thải (nước rỉ rác) tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ thoát nước tại Khu liên hợp xử lý rác Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.
2. Cơ quan nhà nước có liên quan đến dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ thoát nước.

Điều 3. Mức giá

1. Giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt (bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh) là 113.700 đồng/tấn rác (*Một trăm mười ba ngàn bảy trăm đồng chẵn*).
2. Giá dịch vụ xử lý nước thải (nước rỉ rác) là 117.300 đồng/m³ (*Một trăm mười bảy ngàn ba trăm đồng chẵn*).
3. Mức giá nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan

1. Các tổ chức thực hiện dịch vụ chịu trách nhiệm công khai thông tin và niêm yết giá theo quy định; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ, chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có biến động về định mức, chi phí, đơn giá; tổ chức lập phương án giá gửi Sở Xây dựng để chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành có liên quan hoàn chỉnh phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh An Giang có trách nhiệm hướng dẫn cho các tổ chức thực hiện dịch vụ sử dụng chế độ hóa đơn, chứng từ; đăng ký, kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức thực hiện dịch vụ niêm yết giá theo đúng quy định; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý nước thải theo quy định.

4. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm theo dõi giám sát việc vận hành, xác định khối lượng và thanh toán hợp đồng với tổ chức thực hiện dịch vụ; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 01 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế; Giám đốc Kho bạc nhà nước An Giang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBNDTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Cục Thuế;
- Kho bạc Nhà nước An Giang;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, KTN, KTTH;
- Cổng thông tin điện tử An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Thư